

Bản án số: 660/2019/DS-PT

Ngày: 23 - 12 - 2019

V/v: *Tranh chấp HĐCN QSD đất*

Và chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Phan Đức Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2014/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2014 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2014/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3386/2019/QĐPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Phước H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Trú tại: Số 26T khu phố L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bị đơn: Bà Lê Ánh N (Lê Thị Ánh N), sinh năm 1936 (đã chết).

Trú tại: Số 158/4 Đ, phường 9, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Số 368A L, khu phố 5, phường A, quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Qu: Ông V (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bảo Qu: Luật sư Lê Văn T
- Văn phòng luật sư An Lực thuộc đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

2. Bà Phan Thê Ph, sinh năm 1943 (vắng mặt)

3. Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

4. Bà Lê Bảo Ch, sinh năm 1971 (vắng mặt)

5. Ông Lê Thịnh Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

6. Ông Lê Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 38/19 N, phường 15, quận P, TP. Hồ Chí Minh.

7. Ông Lê Hưng Ph, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Trú tại: Số 26T khu phố L, TT. L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông Phát: Bà Lê Phước H.

8. Ông Lâm Anh T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Số 23/3 E khu phố 1, phường , quận 7, TP. Hồ Chí Minh và số 185/14/4 phòng 4, đường H, phường T, quận 7, TP. HCM.

9. Ông Lâm Văn Nh, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Trú tại: Số 42/1 K H, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh và 23/3 (số mới 503 A H) khu phố 1, phường T, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

10. Bà Lâm Thị Ng, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Số 42/1 K H, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh và 23/3 (số mới 503 A H) khu phố 1, phường T, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

11. Văn phòng luật sư V.

Địa chỉ: 85/2B T, phường 7, quận P, TP Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của văn phòng: Luật sư Vĩnh A – Trưởng Văn phòng (vắng mặt)

12. Bà Mai Thị Tuyết Hạ, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Trú tại: Số 44 (cũ 1011) T, phường 4, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

13. Ủy ban nhân dân tỉnh B. (vắng mặt)

Địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh B.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Phước H trình bày:

Căn nhà mang các số 19/02/Ô2 ấp Hải Điền; số 19/2/Ô2 – 44 ấp Hải Điền 2; số nhà 192Ô2 ấp Hải Điền và số nhà 19/2/Ô3 ấp Hải Điền 2, thị trấn Long

Hải chỉ là một căn nhà và chính là nhà đất bà đang tranh chấp trong vụ án này. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7203000112 ngày 29/8/2000 thì nhà mang số 19/2/Ô2 – 44 Hải Điền 2, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L2), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Lý do căn nhà có nhiều số như vậy là do cách viết không thống nhất và qua từng thời kỳ quản lý hành chính thì còn có sự thay đổi về số nhà.

Về nguồn gốc nhà đất là do ông bà nội của bà H là ông Lê Văn K (chết năm 1944) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 2006) tạo lập trước năm 1975. Trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 83,82m² trên 99m² đất, nay đo đạc thực tế đất là 105,2m², thửa số 119 tờ bản đồ số 29 (số mới thửa 54, tờ bản đồ số 131) khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B.

Trước năm 1975, bà N và bà H đã ký hợp đồng cho ông Diệp Vĩnh Ng và bà Đ tại L thuê mướn nhà đất trên để kinh doanh. Sau đó, hai bên phát sinh tranh chấp, Tòa án đã giải quyết buộc bà H giao trả lại nhà đất trên cho Bà Lê Ánh N và bà Nguyễn Thị H. Sau khi có quyết định của Tòa án thì bà N đã làm thủ tục hợp thức hóa nhà đất và được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7203000112 ngày 29/8/2000. Đến năm 2006, bà N đã tự ý chuyển nhượng nhà, đất này cho bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu.

Ông Kiêm và bà Hai có 03 người con chung là: Lê Ánh Nguyệt, sinh năm 1936 (bà N còn có tên là Lê Thị Ánh Ng), bà N không có chồng và không có con; ông Lê Văn Sơn, sinh năm 1944 (ông Sơn không có vợ, không có con và chết năm 1986) và ông Lê Thanh Vân, sinh năm 1940 (chết năm 2006), ông Vân có vợ là Bà Phan Thê Ph, sinh năm 1943, ông Vân và bà Phượng có 06 người con chung là: Lê Phước H, Lê Thịnh Đạt, Lê Minh Thành, Lê Bảo Châu, Lê Hưng Phát và Lê Ngọc Lễ.

Bà Hiếu cho rằng nhà đất hiện đang tranh chấp thì bà Hiếu là một trong những người được hưởng thừa kế. Ngoài ra, bà Hai còn có di chúc lập ngày 20/9/2003 tại Văn phòng luật sư Vĩnh An có đề cập đến quyền thừa kế của bà Hiếu và các anh chị em của bà.

Do đó, yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa bà N với bà Bảo Qu. Về hậu quả pháp lý của việc hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa bà N và bà Bảo Qu thì bà Hiếu và các thừa kế khác không liên quan. Đồng thời bà Hiếu yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSH nhà và sử dụng đất ở số 7203000112 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 29/8/2000 cho Bà Lê Ánh N và chia thừa kế nhà đất đang tranh chấp cho những người thừa kế của ông K và bà H.

Bà H không yêu cầu đo đất, định giá lại mà yêu cầu Tòa án căn cứ vào sơ đồ vị trí ngày 12/5/2008 và kết quả định giá đã quy đổi vàng thành tiền tại biên bản định giá ngày 14/10/2010 của Hội đồng định giá.

Bị đơn Bà Lê Ánh N, thông qua người đại hợp pháp là ông Nguyễn Đức A trình bày:

Bà N còn có tên là Lê Thị Ánh N bà xác định nguồn gốc nhà đất là của cha mẹ bà N là ông K (chết năm 1944), bà H (chết năm 2006) để lại. Nhà đất đang tranh chấp có nhiều sổ như bà H đã trình bày. Ông K và bà H có 03 người con chung là: Bà N, có chồng là ông Lâm Văn N không có con chung, đã ly hôn năm 2009; Ông Lê Văn S, sinh năm 1944 (không có vợ, không có con và chết năm 1986); Ông Lê Thanh V, sinh năm 1940 (chết năm 2006), ông V có vợ là Bà Phan Thê Ph, sinh năm 1943, ông V và bà Ph có 06 người con chung là: Lê Phước H, Lê Thịnh Đ, Lê Minh Th, Lê Bảo Ch, Lê Hưng Ph và Lê Ngọc L.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu, có ký hợp đồng chuyển nhượng ngày 27/02/2006 tại phòng công chứng số 2 tỉnh B là do bà N không hiểu pháp luật, nên đã chuyển nhượng cho bà Qu.

Giá chuyển nhượng nhà đất cho bà Qu là 600.000.000đồng, bà N nhận trước 500.000.000đ, còn 100.000.000đ thanh toán sau. Tuy nhiên, việc ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với bà Bảo Qu là do trong năm 2006 bà N vay tiền của bà Mai Thị Tuyết H - là mẹ của Bảo Qu, số tiền bà N vay là 500.000.000đồng, thế chấp giấy tờ nhà đất cho bà Hạnh, bà Hạnh giao cho bà N 500.000.000đồng, giấy vay tiền bà H giữ. Để đảm bảo cho việc vay tài sản nên hai bên đã ký hợp đồng mua bán nhà đất, nhưng để Nguyễn Hoàng Bảo Qu đứng ký tên bên mua, chứ thực chất bà N không nhận tiền từ bà Qu. Đến khi các con ông Vân phát hiện việc bà N ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên thì đã thỏa thuận với bà H để hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa bà N với bà Qu, nhưng bà H không đồng ý.

Bà N có ký hợp đồng cho ông Nguyễn Văn L thuê nhà nhưng đã hết thời hạn thuê từ tháng 12/2010, hiện nay không còn ai thuê nhà nữa.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà N yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở lập ngày 27/02/2006 giữa Bà Lê Ánh N với bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu, bà sẽ trả lại cho bà Hạnh và bà Qu số tiền đã vay là 500.000.000đồng và đồng ý chia thừa kế đối với toàn bộ nhà đất số 19/2/Ô2 – 44 Hải Điền 2, thị trấn Long Hải, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà N không yêu cầu đo đất, định giá lại mà yêu cầu Tòa án căn cứ vào sơ đồ vị trí ngày 12/5/2008 và kết quả định giá đã quy đổi vàng thành tiền tại biên bản định giá ngày 14/10/2010 của Hội đồng định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Các ông Bà Phan Thê Ph, Lê Phước H, Lê Thịnh Đ, Lê Minh Th, Lê Bảo Ch, Lê Hưng Ph và Lê Ngọc L thông qua người đại diện hợp pháp là bà Lê Phước H – nguyên đơn trình bày giống như lời trình bày của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu thông qua người đại diện hợp pháp là ông Lê Nguyễn Hoàng V trình bày:

Ngày 27/02/2006, bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu ký hợp đồng nhận chuyển quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở đối với nhà đất tọa lạc tại số 19/2/Ô2 – 44 H,

thị trấn Li, huyện L, tỉnh B với Bà Lê Ánh N. Nhà đất đã được UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận QSH nhà và QSD đất ở số 7203000112 ngày 29/8/2000 đứng tên bà N, hợp đồng đã được Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chứng thực. Giá chuyển nhượng là 600.000.000đồng, bà Qu đã trực tiếp giao cho bà N 500.000.000đồng, số tiền còn lại 100.000.000đồng hai bên thỏa thuận sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng xong sẽ thanh toán hết đồng thời tiến hành giao và nhận nhà. Nhưng sau đó bà N tìm cách né tránh không tạo điều kiện cần thiết để tiến hành hoàn tất thủ tục. Tiếp đó thì bà H khởi kiện tranh chấp thừa kế với bà N.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phước H thì bà Qu không đồng ý. Bà Qu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà đất hai bên đã ký kết vào ngày 27/2/2006, bà Qu được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại số 19/2/Ô2 – 44 Hải Điền 2, thị trấn Long Hải, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Số tiền còn lại theo hợp đồng chuyển nhượng là 100.000.000đồng, bà Qu có nghĩa vụ trả hết cho bà N.

Bà Qu không yêu cầu đo đất, định giá lại mà yêu cầu Tòa án căn cứ vào sơ đồ vị trí ngày 12/5/2008 và kết quả định giá đã quy đổi vàng thành tiền tại biên bản định giá ngày 14/10/2010 của Hội đồng định giá.

- Bà Mai Thị Tuyết H trình bày:

Bà H là mẹ của bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu. Bà N cho rằng quan hệ hợp đồng mua bán nhà đất giữa Bảo Qu và bà N là quan hệ giả cách, thực chất là quan hệ vay tiền giữa bà Hạnh và bà N; Số tiền 500.000.000đ mà bà N đã nhận không phải là tiền của Bảo Qu thanh toán tiền mua nhà đất mà là tiền bà N vay của bà Hạnh; Hiện nay bà Hạnh có giữ giấy vay tiền của bà N.

Về những vấn đề này bà H xác định rằng từ trước đến nay giữa bà và bà N không có bất kỳ mối quan hệ vay tiền nào, bà H không giữ bất kỳ giấy tờ nào thể hiện bà N có vay tiền của bà, bà N không vay tiền bà và bà cũng không vay tiền bà N. Đối với số tiền 500.000.000đ mà bà N đã nhận do Bảo Qu thanh toán, liên quan đến mua bán nhà đất là quan hệ giữa cá nhân Bảo Qu với bà N, là tiền của cá nhân Bảo Qu, hoàn toàn không liên quan đến bà. Do đó, bà Hạnh xin không tham gia trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Văn phòng luật sư Vĩnh A do ông Vĩnh A - Trưởng văn phòng luật sư trình bày:

Ông A là người ghi chép di chúc ngày 20-9-2003 cho bà Nguyễn Thị H. Nguyên vọng của bà H khi lập di chúc là: Nhà đất tại 192-ô 2- H, thị trấn L thì bà H cùng với hai con là Lê Thanh V và Lê Ánh Ng giao cho Bà Lê Ánh N đứng tên sở hữu, đồng thời bà N có nghĩa vụ khiếu nại tới Nhà nước để đòi lại phần đất thuộc khuôn viên bị lấn chiếm. Chỉ khi nào Bà Lê Ánh N qua đời mà không có di chúc chỉ định người thừa kế thì những người cháu ruột của Bà Lê Ánh N được hưởng di sản đó.

Khi bà H nhờ ông Vĩnh A ghi chép lại việc bà H lập di chúc thì ông đã xem các giấy tờ pháp lý của căn nhà nêu trên và ông có lưu lại các bản photocopy

của các giấy tờ này, nhưng ngày 14/11/2003, Bà Lê Ánh N đã lấy lại các giấy tờ này để giải quyết tranh chấp nhà 192 Ô 2 Hải Điền, thị trấn L.

- *UBND tỉnh B, thông qua người đại diện hợp pháp là bà Cao Thị Xuân H trình bày:*

Về nguồn gốc nhà đất số 19/2/Ô2 – 44 H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B mà hiện các bên đang tranh chấp là của ông Lê Văn K để lại. Ngày 12/5/1969, bà Nguyễn Thị H và Bà Lê Ánh N lập tờ giao kèo cho ông Diệp Vĩnh Ngu mượn hai căn phố tại số 19/2/Ô2-44 khu phố H, thị trấn L với thời hạn là 06 năm. Ngày 15/01/1964, bà N tiếp tục lập tờ giao kèo cho ông Ng mượn thêm căn phố cũng tại địa chỉ trên. Nhưng do bà H là vợ ông Ng vi phạm hợp đồng nên bà N và bà H kiện bà H để đòi lại các căn phố đã cho mượn trước đây. Ngày 28/6/1995, TAND tối cao tại TP. Hồ Chí Minh có bản án số 127/DSPT theo đó buộc bà Huỳnh Đê phải trả căn nhà trên cho bà N và bà H.

Căn cứ vào bản án đó và các giấy tờ liên quan, đồng thời xét biên bản họp gia đình đã được UBND thị trấn L và thị trấn L xác nhận ngày 22/8/2000 về việc bà Nguyễn Thị H và hai con là ông Lê Thanh V, Bà Lê Ánh N đã thống nhất giao lại quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà số 19/2/Ô-44 H, thị trấn L cho Bà Lê Ánh N. Ngày 19/7/2000, tổ công tác liên ngành của tỉnh đã tiến hành kiểm tra hiện trạng nhà đất và lập biên bản. Ngày 24/8/2000, tổ công tác liên ngành đã có tờ trình số 1051/TT.TCTLN đề xuất UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở cho Bà Lê Ánh N. Do vậy, UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở cho Bà Lê Ánh N là đúng với các quy định của luật.

UBND tỉnh B không có ý kiến về phần đo đất, định giá của Hội đồng định giá.

- *Ông Lâm Văn N trình bày: Ông là con của Bà Lê Ánh N và ông Lâm Văn N. Ông không có ý kiến, không có yêu cầu trong vụ án này và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

- *Ông Lâm Anh T trình bày: Bà Lê Ánh N và ông Lâm Văn N là hai vợ chồng, có ba người con chung là Lâm Văn Nh sinh năm 1966; Lâm Thị Ngh sinh năm 1968 và Lâm Anh T. Ông Tuấn, ông Nh, bà Ngh sinh ra và lớn lên ở TP.HCM, không sinh sống tại nhà đất đang tranh chấp. Ông Lâm Văn N và ông T từ trước đến nay không có đóng góp xây dựng và sửa chữa đối với nhà đất này, nguồn gốc nhà đất hoàn toàn là của cha mẹ bà N để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T không có yêu cầu gì trong vụ án này.*

- *Bà Lâm Thị Ngh trình bày: Bà và ông Nh, ông T đều là con nuôi của bà N và ông N. Đối với vụ án này bà không liên quan, không yêu cầu hay tranh chấp nên không tham gia.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2014/DSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Áp dụng các Điều 122, 426, 634, 635, 645, 652, 676 Bộ luật dân sự; Nghị định 70/CP về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phước H.

- Hủy Hợp đồng chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại 19/2/Ô2 – 44 Hải Điền 2, thị trấn L, huyện L (nay là huyện Long Điền), tỉnh B ký ngày 27/02/2006 giữa Bà Lê Ánh N (Lê Thị Ánh Ng) với bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu.

- Bà Lê Ánh N (Lê Thị Ánh Ng) được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất số 19/2/Ô2- Lô 44, Hải Điền 2, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7203000112 ngày 29/8/2000, do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho Bà Lê Ánh N đứng tên.

- Bà Lê Ánh N (Lê Thị Ánh Ng) phải trả cho bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu số tiền 2.247.420.000đ (hai tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

- Bà Lê Ánh N (Lê Thị Ánh Ng) phải giao cho các ông bà Lê Phước H, Lê Thịnh Đ, Lê Minh Th, Lê Bảo Ch, Lê Hưng Ph, Lê Ngọc L, Phan Thử Ph mỗi người 192.642.000đ (một trăm chín hai triệu, sáu trăm bốn hai ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả khi thi hành án, chi phí đo đạc định giá, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 3 năm 2014 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án do sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Bà Lê Ánh N chết, nguyên đơn là người kế thừa duy nhất của bị đơn nhưng không hợp tác để làm thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này cần thiết hủy bản án sơ thẩm để thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án thì bị đơn Bà Lê Ánh N chết. Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu những người thừa kế của bà N làm thủ tục kế

thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N. Tòa án đã tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm nhưng đến nay đã hơn 5 năm mà các đương sự không thực hiện.

Qua hồ sơ được biết nguyên đơn là người thừa kế duy nhất của bị đơn, nhưng nguyên đơn không hợp tác và không tiến hành thủ tục trên. Trường hợp này căn cứ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án. Thế nhưng trong vụ án này người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để tòa án cấp sơ thẩm xét xử thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự nếu các đương sự còn yêu cầu và việc hủy án sơ thẩm này là bất khả kháng, là tình tiết mới, không phải là lỗi của cấp sơ thẩm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2014/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự:

Bà Nguyễn Hoàng Bảo Qu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 023900 ngày 24/3/2014 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(5), 20b (MTTT);

Huỳnh Thanh Duyên